TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31/8/2020
"V/v Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phụng
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hồng Phượng
2. Bà Lý Thị Bạch Tuyết
- Thư ký phiên tòa: Bà Linh Thu Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 426/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020, về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Văn H, sinh năm 1991 (vắng mặt).
Địa chỉ: Số 284, tổ 6, ấp 2, xã Phước Bình, huyện Long Thành, Đồng Nai.
- *Bi đơn*: Chị Huỳnh Vũ Hoài T, sinh năm 1996 (vắng mặt).
Địa chỉ: Số 244, tổ 5, ấp Hiền Hòa, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Văn H trình bày*:

Anh và chị Huỳnh Vũ Hoài T tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do chị T không chịu lao động, tụ tập bạn bè ăn chơi và sử dụng ma túy, chị T còn có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, từ những nguyên nhân trên nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Đầu năm 2017, do vợ chồng mâu thuẫn nên anh bỏ về nhà mẹ ruột sống tại ấp 2, xã B, huyện L, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay

anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngày 15/8/2020 anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11 tháng 8 năm 2020, bị đơn chị Huỳnh Vũ Hoài T trình bày:

Chị và anh Trần Văn H kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã, anh H không tôn trọng và xúc phạm chị và gia đình vợ.

Đến đầu năm 2017, anh H về nhà cha mẹ ruột sống tại ấp 2, xã B, huyện L, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay anh H xin ly hôn chị đồng ý theo yêu cầu của anh H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngày 11/8/2020 chị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của anh Trần Văn H. Con chung; tài sản chung; nợ chung: không có nên không xét. Án phí dân sự sơ thẩm anh H phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Văn H và chị Huỳnh Vũ Hoài T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H, chị T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh H, chị T tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai (Giấy chứng nhận kết hôn số 139 ngày 30 tháng 9 năm 2016) nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Anh H xin ly hôn chị T đồng ý, xét thấy mâu thuẫn giữa anh H, chị T đã thực sự trầm trọng, sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, vợ chồng

thường xuyên cãi vã, anh H và chị T đã tự sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay không bàn bạc đoàn tụ. Chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H, xử cho anh H được ly hôn với chị T.

[3]. Về con chung; tài sản chung, nợ chung: Anh H, chị T khai không có nên không xét.

[4]. Về án phí: Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn anh Trần Văn H, xử cho anh H được ly hôn chị Huỳnh Vũ Hoài T.

2- Về con chung: Không có.

3- Tài sản chung, nợ chung: Không xét.

4- Về án phí: Anh Trần Văn H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001574 ngày 17/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Anh H đã nộp đủ án phí.

5- Anh Trần Văn H và chị Huỳnh Vũ Hoài T được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND h. Long Thành (1);
- Chi cục THADS h. Long Thành (1);
- UBND xã P, GCNKH số 139 ngày 30/9/2016 (1);
- Đương sự (2);
- Lưu (3).

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phụng